

Số: **2/71** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **26** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 361/TTr-SNNMT ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Thay thế số thứ tự 9 ý III, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thay thế toàn bộ IV mục C - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện tại Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo; danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, địa chất và khoáng sản, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP; Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- TT BC&TT TP HP, CĐ ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THUỶ SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số: 241 /QĐ-UBND ngày 26/6 /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (09 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Sở NNMT	UBND TP			Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực thủy sản (09 TTHC)											
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
2	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	05 ngày	02 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày	

									25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
3	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và tra kết quả - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ- CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
4	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và tra kết quả - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ- CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025.	

										- Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
5	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
6	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
7	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu	12 ngày	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-	

		hoặc đề hợp tác quốc tế)								CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
8	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	12.450.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Các Thông tư: số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
9	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	02 ngày	01 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Các Thông tư: số 23/2018/TT-BNNPTNT	

										ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực thủy sản (03 TTHC)										
1	1.004678	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
		Trường hợp cấp mới	45 ngày							
		Trường hợp cấp lại/gia hạn	15 ngày							
2	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối		Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017.	

		với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài		chính công thành phố				kết quả	- Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
		Trường hợp cấp mới	58 ngày						
		Trường hợp cấp lại/gia hạn	18 ngày						
3	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Thông tư: số 23/2018/TT_BNNPTNT; số 01/2022/TT-BNNPTNT; số 06/2024/TT-BNNPTNT; số 05/2025/TT-BNNMT. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực thủy sản (03 TTHC)										
1	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- 02 ngày công khai	Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
			phương án - 33 ngày thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình CT UBND cấp xã quyết định	chính công cấp xã				kết quả	- Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
2	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		Đối với trường hợp đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng	05 ngày làm việc							
		Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	- 02 ngày công khai phương án - 33 ngày thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình CT UBND cấp xã quyết định							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
3	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017. - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	

